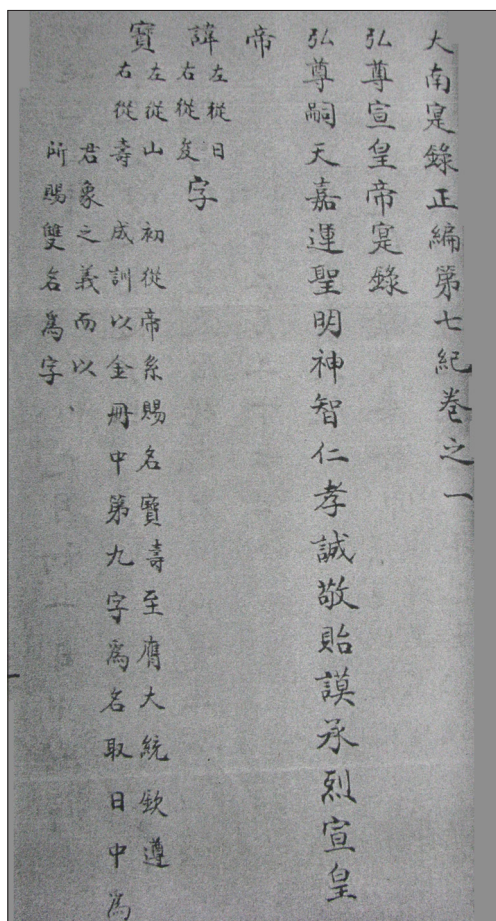


TƯ LIỆU

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐỆ THẤT KỶ QUYỂN THỨ

Cao Tự Thanh*



Trang đầu quyển 1
Đại Nam Thực lục Chính biên Đệ thất kỷ.

Cho đến nay, người ta đã biết ngoài tám bộ *Đại Nam Thực lục* gồm bộ *Tiên biên* chép về lịch sử Việt Nam ở Đàng Trong thời các chúa Nguyễn và bảy bộ *Chính biên* chép về lịch sử Việt Nam dưới các đời vua Gia Long (*Đệ nhất kỷ*), Minh Mạng (*Đệ nhị kỷ*), Thiệu Trị (*Đệ tam kỷ*), Tự Đức, Dục Đức và Hiệp Hòa (*Đệ tứ kỷ*), Kiến Phúc và Hàm Nghi (*Đệ ngũ kỷ*), Đồng Khánh (*Đệ lục kỷ*), Thành Thái và Duy Tân (*Đệ lục kỷ Phụ biên*), Quốc sử quán triều Nguyễn còn đã hoàn tất việc biên soạn bộ *Đại Nam Thực lục Chính biên Đệ thất kỷ* (trở xuống viết tắt là *Chính biên Đệ thất kỷ*) chép về lịch sử Việt Nam dưới đời Khải Định. Bộ chính sử cuối cùng của vương triều phong kiến cuối cùng ở Việt Nam này đã được khắc in nhưng hoặc là chưa xong, hoặc là ván in đã bị thất lạc nên hiện chỉ còn một phần nhỏ mộc bản đang được lưu giữ ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 4, Đà Lạt (ký hiệu là bản MB). Văn bản chép tay trọn vẹn duy nhất hiện được biết tới của bộ sử này đang được lưu giữ ở Thư viện Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Paris, ký hiệu Viet/A/Hist/10, tất cả hơn 1.400 trang (ký hiệu là bản EFEO). Đây là bản mẫu để khắc in nên nói chung văn bản sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, mỗi trang có 7 dòng, nếu không kể những trường hợp chú thích bằng chữ

lượng cước thì mỗi dòng có tối đa 20 chữ. Cần nói ngay rằng mặc dù đã được chính thức hoàn thành, *Chính biên Đệ thất kỷ* vẫn chưa hẳn là một tác phẩm thực sự hoàn chỉnh, vì những biến động chính trị từ 1940 trở đi đã tạo ra một số thay đổi trong nguyên văn của bộ sử này khi nó được chính thức khắc in. Đáng tiếc là bản in nói trên hiện chỉ còn 26 tấm (52 trang) mộc bản, nhưng trong số mộc bản ít ỏi ấy có hai trang khắc đoạn cuối phần Phàm lệ, theo đó

* Thành phố Hồ Chí Minh.

có thể thấy so với bản chép tay thì ít nhất phần này cũng đã bị bỏ đi điều 6 và sửa chữa điều 5. Ngoài ra, những chi tiết như “Ban dụ chỉnh đốn ranh giới mở thêm của thành phố ở kinh thành (xem rõ trên bản đồ)” (điều 0754), “Các bản đồ để bị khảo” (điều 1111) còn cho phép nghĩ rằng khác với các bộ *Đại Nam Thực lục* trước nó, *Chính biên Đế thất kỷ* đã được dự kiến in kèm một số bản đồ minh họa.

Ngoài mười quyển ghi chép các sự kiện lịch sử từ Bính Thìn 1916 đến Ất Sửu 1925 - mỗi năm một quyển, bộ sử này còn có phần đầu mà khi khắc in thường được gọi là “quyển thủ” gồm Lời dụ của vua Bảo Đại về việc nhân bản *Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, Bài biểu dâng sách của Quốc sử quán, Tờ tâu của Quốc sử quán về việc xin nhân bản, Phàm lệ, Tổng mục và Chức danh những người biên soạn. Sau đây xin giới thiệu bản dịch toàn văn phần “quyển thủ” nói trên.

Lời dụ của vua Bảo Đại về việc nhân bản *Đại Nam Thực lục Chính biên Đế thất kỷ*

Ngày 7 tháng 12 năm Bảo Đại thứ 14 (15/01/1940).

Thượng dụ: Có vua của một đời dấy lên ắt có sự trị bình của một đời dấy lên, Thực lục là ghi chép lại sự thật về việc chí trị đương thời làm đầu cho việc tiếp nối trị bình trong tương lai. Cho nên làm rõ công lao rực rỡ, phát dương đức nghiệp xán lạn, đều ở đó chẳng? Nước ta thần truyền thánh nối hơn ba trăm năm, ơn sâu nhân dày với người không mất, võ công văn trị từ cổ nổi danh, Thực lục Tiền biên Chính biên về liệt thánh ta nối nhau soạn thành đều đã đưa vào kho Sử quán vậy. Kính nghĩ Hoàng khảo Hoàng Tông Tuyên Hoàng Đế ta: đứng đầu xã tắc, thiên tử thông minh. Lấy tư chất thượng triết lo thời vận trung hưng, kính vâng mệnh trời, theo phép tổ tiên, chăm chỉ chính sự, thương yêu nhân dân, hiếu kính hai cung,⁽¹⁾ ơn đầy hoàng tộc, sửa sang lại trị, chấn chỉnh triều cương, trong tôn quân quyền, ngoài giữ quốc thể. Giao thiệp có đạo, thượng quốc tin tưởng lòng thành, trị chúng có phương, hạ dân ngửa vâng lệnh sáng, có trường Uyên bác cao đẳng đào tạo nhân tài, có viện Bác cổ nông công chấn hưng công nghệ. Cho nên thân tới học đường, chuông trống trường Chu lại nổi, tuần du địa hạt, uy nghi nhà Hán còn trông. Coi chính sự liền mười năm mà chăm chỉ như một ngày, thiện chính rõ ràng, sử chép không hết, theo phong thái ngày xưa làm sáng thêm liệt thánh, để lưu gương hay mà chẳng nát, khai phát người sau. Sử thần đã vâng lệnh biên tập, thân định nghĩa lệ, gia công khảo đính, gần đây căn cứ vào tờ tâu nói kính vâng biên soạn sách *Thực lục Chính biên Đế thất kỷ* về Hoàng Tông Tuyên Hoàng Đế đã soạn xong, nhuận sắc kiểm duyệt hoàn tất kính đem bản ấy dâng trình. Trẫm kính cẩn giở xem, ngẩng thấy một đời rực rỡ công tích rõ ràng, rất nên khắc in lưu lại lâu dài để truyền cho đời sau. Sách *Thực lục Đế thất kỷ* làm xong bao nhiêu quyển do Sử quán chỉ ngân sách năm nay theo lời phiên tấu tính toán thi hành, vẫn giao cho bề tôi Sử quán trông nom, câu chữ phải thật rõ ràng, đại thần Bộ Giáo dục cũng phải gia tâm quản lý trông coi, cốt hoàn thành thật sớm, đó là điều trẫm rất mong mỏi vậy. Còn những việc cần làm thì giao cho hữu ty kính cẩn tuân hành. Kính đấy!

Bài biểu dâng sách của Quốc sử quán

Bọn thần ở Quốc sử quán kính cẩn tâu về việc sách *Thực lục Chính biên* về Hoàng Tông Tuyên Hoàng Đế hoàn thành, xán lạn hòm vàng, ánh ngời thẻ ngọc, bọn thần rất mừng rất sợ kính cẩn làm biểu dâng kèm.

Kính nghĩ Trùng Hoa giúp đế,⁽²⁾ ngàn năm lịch số có nơi theo, một chữ tôn vương, muôn thuở cương thường là việc trọng. Sách thành sử Mã, nghĩa rõ kinh Lân.⁽³⁾ Bọn thần trộm nghĩ: Vua sáng lấy cương kỷ để trị dân, lời nói việc làm đều thành phép tắc, sử nước chép sự thật ở thời ấy, việc lớn chuyện nhỏ cũng phải chép biên. Cho nên thấy ở Điển Mô,⁽⁴⁾ đế vương trị dân khác đạo, mà bày ở sử sách, văn vũ việc chính đủ xem. Khảo xét Bắc quốc từ Hạ, Thương, Chu cho tới Minh, Thanh, nước ta từ Lê, Trần, Lý kể lên Hồng Lạc, vua của một đời đều riêng có sử của một đời, nên người sau ngàn thuở mới biết được việc trước ngàn thuở. Phàm ba trăm năm ơn hậu nhân sâu, tiếng hay ở Trung Quốc vang dội, mấy mươi đời thần truyền thánh kế, đạo lâu cả thiên hạ tuân hành. Như ngày nay thì sao? Vốn từ Nam phục mở nền, Phú Xuân định đỉnh.⁽⁵⁾ Nghiệp lớn hết lòng hết sức, truyền lại người sau, ơn sâu văn vật hiến chương, làm vinh tổ trước. Vâng từ sau trung hưng mong cầu nối đức, mưu hay để lại lâu dài, tới thủ thành phần chấn noi công, nghiệp lớn còn lưu vạn thuở. Công lao chót vót, gương vàng ngàn năm còn soi, sử sách rõ ràng, thẻ trúc muôn trang vẫn đỏ. Kính nghĩ Hoàng Tông Tuyên Hoàng Đế ta: thiên tư thượng triết, đức hợp nguyên quân. Cung xanh nuôi lòng, xe vàng không ý.⁽⁶⁾ Như quả Càn tuy tiềm tàng mà hiển hiện,⁽⁷⁾ như quả Di giữ mờ tối mà rõ ràng.⁽⁸⁾ Gặp khi vận nước gian nan, chính lúc lòng trời cõi mở. Đại phiên⁽⁹⁾ vào nơi chính thống, điềm lành như mặt nhật giữa trưa, Chu Tuyên⁽¹⁰⁾ chí lớn trung hưng, mệnh sáng được ơn trời ban xuống. Núi sông vẫn thế, ngựa cậy uy linh của miếu xã tổ tiên, chuông khánh không dời,⁽¹¹⁾ thật là phúc lớn của thần người trời đất. Gắng cầu thịnh trị, phấn phát việc làm, phàm thấy nơi kính mệnh trời noi phép tổ, hòa tông tộc thân người thân, đều phép sáng truyền tâm của liệt thánh, cho tới siêng chính sự thương nhân dân, trọng nghề nông khuyến kẻ sĩ, thủy mưu xa trị nước của minh quân. Phụng dưỡng hai cung, đức hiếu đồn vang bốn bể, gia ân tôn thất, hòa khí thịnh ở một nhà. Đào tạo nhân tài thì mở trường Uyên bác, trừ diệt lại tặc thì hạ chiếu khuyến liêm. Lo mùa màng mà thâu đêm thức trắng, lòng lo hai lượt một ngày, mưu bang giao mà thượng quốc đi xa, chí muốn một lần yên mãi. Ra Ngộ Môn ủy lạo binh sĩ, lại ngâm vận nhĩ Thái vi,⁽¹²⁾ dùng xe loan thu nhận đơn từ, được thấy lòng nhân mở lối.⁽¹³⁾ Tôn quân quyền để giữ gìn quốc thể, lập hoàng tử để cố kết nhân tâm. Máy thần khép đất mở trời, nghiệp nhờ thế lớn đức nhờ thế thịnh, kế hay lâu yên dài ổn, việc ra tay nắm cong ra tay phòng. Lịch số mười năm, thái bình một thuở. Rõ ràng chính trị tốt đẹp, so trước sáng ngời, mệnh mông khó nổi gọi tên, chỉ trời là lớn. Kính nghĩ Hoàng thượng ta phép khuôn nguyên hóa, tô điểm thái bình. Non tính suối trong, tươi thánh công nơi hàm dưỡng, châu cầu ngọc nhật, rộng tân học chỗ doanh hoàn. Học có theo chỗ quang minh, việc chẳng quên nơi kế thuật. Khuôn Nghiêu phép Thuấn, tuy đem thân trao nhận ở một nhà, mà thánh vũ thần văn, càng muốn mãi lưu truyền cho vạn thế. Mở thêm mưu trước, để lại hiếu sau. Năm từ Tây dương phản giá quay về, đã sai Sử quán biên soạn. Chép từ tháng 4 năm Bính Thìn (1916) đến tháng 9 năm Ất Sửu (1925), ghi năm chép truyện, việc đã sát lại không sai, soạn từ tháng 8 năm Nhâm Thân (1932) đến tháng 10 năm Kỷ Mão (1939), đặt lệ phát phàm, văn mới tường mà đúng

thể. Ngẩng thấy thần công thánh đức, pháp độ sáng thay, đế huân vương mô, việc công đủ vậy. Khế hợp cùng lòng cùng đạo, theo sáu kỷ mà sáng tỏ cơ đồ, để lại đủ phép đủ kinh, trải ngàn thuở mà lưu truyền phép tắc. Bọn thần lạy giữ một chúc, nào có ba hay.⁽¹⁴⁾ Vận canh tân mà còn đọc văn xưa, tiếng ngu ngo⁽¹⁵⁾ khó tránh, việc thuật cổ mà lại dùng văn mới, lời ngó ngẩn⁽¹⁶⁾ e đồn. Gắng sức soạn xong, cúi đầu phục mệnh. Chỉ mong Hoàng thượng đặt cạnh chỗ ngồi, cất trong kho sử, treo gương sáng để soi rõ cổ kim, nắm lệ trước mà chuyển xoay trời đất. Xét nơi sử trước, làm điều biết trọng điều nghe, nắm hết việc xưa, sáng đời sau nơi đời trước. Thương kỷ chép đức Thang sáng,⁽¹⁷⁾ Thái Giáp thành bậc minh vương, Chu thư thuật việc Văn hay,⁽¹⁸⁾ Thành vương tới đời thịnh trị. Tổ ngài nêu sáng, để đầy đủ với tiền nhân, yên phúc giữ dân, vui đề huề cùng thượng quốc. Bọn thần khôn xiết vui mừng chiêm ngưỡng, kính cẩn đem bộ *Thực lục Chính biên Đế thất kỷ* mười quyển dâng lên, kính cẩn dâng biểu chờ nghe lệnh trên.

Ngày 10 tháng 12 năm Bảo Đại thứ 14 (18/01/1940).

Thần Phạm Quỳnh.

Thần Lê Nhữ Lâm.

Thần Nguyễn Hữu Tỳ.

Tờ tâu của Quốc sử quán về việc xin nhân bản

Ngày 29 tháng 9 năm Bảo Đại thứ 14 (10/11/1939)

Thượng thư Bộ Giáo dục quốc dân thần Phạm Quỳnh, Tổng tài Quốc sử quán thần Lê Nhữ Lâm, Toàn tu thần Nguyễn Hữu Tỳ kính tâu:

Phụng chiếu ngày tháng 8 năm Bảo Đại thứ 7 đã phụng lời dụ chuẩn cho bề tôi ở Sử quán kính cẩn biên soạn *Thực lục Chính biên Đế thất kỷ* về tiền thánh Hoàng Tông Tuyên Hoàng Đế để cùng với Tiền biên Chính biên về liệt thánh cùng còn mãi không nát. Bọn thần vâng lệnh biên tập đến tháng 10 năm thứ 13 hoàn thành bản thảo, đến ngày tháng này năm nay đã hoàn thành, chia làm 10 quyển, đã sức theo bản thảo kính cẩn chép lại dâng trình để chờ quyết định. Lại phụng chiếu theo lệ trước mỗi khi xong sách đều phụng chỉ chuẩn cho bề tôi ở Sử quán chép ra giao cho cục thợ khắc in, duy ngạch thợ ở cục hiện chỉ có 8 người (chia làm hai ban, mỗi ban 4 người), nếu giao cho họ khắc in ắt phải rất lâu mới có thể hoàn thành, vả lại trừ tính về ván gỗ thì cần dùng thì số lượng rất nhiều (số ván gỗ thị trừ tính là 800 tấm, mỗi tấm giá 1 đồng 5 hào, tất cả 1.200 đồng), mà ngân khoản in sách của Sử quán năm nay chỉ có 300 đồng, chi ra sợ không đủ để in, xin chuẩn cho bọn thần thuê thêm hai ba người viết chữ ngay ngắn đẹp để theo nguyên bản sao ra sáu bộ chữ chân phương. Số ấy kính dâng vào cung hai bộ (chính bản một bộ dùng giấy Long đằng đóng bìa vải sơn đỏ mạ chữ vàng kính đặt ở điện Càn Thành, phó bản đóng bìa thường giữ ở văn phòng), để ở Sử quán hai bộ (chính bản đóng bìa vải mạ chữ vàng như trên, phó bản đóng bìa thường), phát giao cho Bộ Giáo dục và Thư viện mỗi nơi một bộ (đóng bìa thường) để tiện kê cứu. Phần trích ngân sách của Sử quán năm nay để mua các hạng giấy bút (giấy Bắc to) và thuê người viết chữ thì xin cho bộ phận ấn vụ của bọn thần tính toán, đợi ngày nào ngân sách hơi khá sẽ tâu xin khắc in sau. Kính cẩn dâng tờ tâu để chờ chỉ dụ tuân hành.

Thần Phạm Quỳnh.

Thần Lê Nhữ Lâm.

Thần Nguyễn Hữu Tỳ.

Phàm lệ

Điều 1. Lần này kính cần biên soạn *Đệ thất kỷ*, xin tham chiếu cách viết và Phàm lệ của *Chính biên Đệ lục kỷ*, lại phỏng theo nghĩa lệ của *Chính biên Đệ tứ kỷ* để ghi chép.

Điều 2. Những dụ chuẩn xuất phát từ châu phê đã vâng lệnh đưa vào sách *Khải Định chính yếu*, kỷ này xin nên chép chi tiết hay ước lược đều tùy việc, còn những điều chưa đưa vào sách ấy thì chép chi tiết.

Điều 3. Khi gặp chữ tôn hý nên theo nghĩa đối dùng chữ khác hoặc kính cần viết bớt một nét, còn các khoản tên đất tên người nên ghi, nay xin hoàn toàn theo lệ trong *Chính biên Đệ lục kỷ*.

Điều 4. Các tên hiệu của Thuận Nghi Kiên Thái Vương phụng chiếu theo *Chính biên Đệ lục kỷ*, chữ nào do chỉ dụ ban ra thì viết dài lên, chữ nào chưa có dụ chỉ về cách viết dài, thì nay phàm gặp những chữ ấy xin nên dài ở hàng thứ nhất để làm rõ sự thận trọng.

Điều 5. Các kỷ trước đây, sau niên hiệu đều có chú niên hiệu Trung Quốc và các niên hiệu phụ thuộc. Nay sự thể khác xa thời trước, nước ta với Trung Quốc không có quan hệ, nên kỷ này ghi chép năm tháng, phía sau vẫn theo *Đệ lục kỷ* chú thích là năm nào Tây lịch, còn niên hiệu Trung Quốc thì nên bỏ đi, đó đại khái là theo thời đổi lệ vậy.⁽¹⁹⁾

Điều 6. Phàm gặp tên người tên đất nước Đại Pháp đã dùng chữ Hán để chép (tên người như Toàn quyền Ba Lăng, Khâm sứ Lê Phong, địa danh như Ba Lê, Ly Ông⁽²⁰⁾ vân vân, nay nên chiếu theo chữ ấy mà chép nhưng xin chú thêm chữ Pháp ở dưới để tiện gặp lúc thì tra cứu.⁽²¹⁾

Tổng mục

Hoàng Tông Tuyên Hoàng Đế thực lục

Quyển 1. Từ tháng 4 mùa hạ đến tháng 12 mùa đông năm Bính Thìn, Khải Định thứ 1 (1916-1917).

Quyển 2. Từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 12 mùa đông năm Đinh Tỵ, Khải Định thứ 2 (1917-1918).

Quyển 3. Từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 12 mùa đông năm Mậu Ngọ, Khải Định thứ 3 (1918-1919).

Quyển 4. Từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 12 mùa đông năm Kỷ Mùi, Khải Định thứ 4 (1919-1920).

Quyển 5. Từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 12 mùa đông năm Canh Thân, Khải Định thứ 5 (1920-1921).

Quyển 6. Từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 12 mùa đông năm Tân Dậu, Khải Định thứ 6 (1921-1922).

Quyển 7. Từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 12 mùa đông năm Nhâm Tuất, Khải Định thứ 7 (1922-1923).

Quyển 8. Từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 12 mùa đông năm Quý Hợi, Khải Định thứ 8 (1923-1924).

Quyển 9. Từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 12 mùa đông năm Giáp Tý, Khải Định thứ 9 (1924-1925).

Quyển 10. Từ tháng giêng mùa xuân đến tháng 12 mùa đông năm Ất Sửu, Khải Định thứ 10 (1925).

Chức danh những người biên soạn

Kiểm quản: Hiệp tá đại học sĩ lãnh Thượng thư Bộ Giáo dục quốc dân kiêm sung Ngự tiền văn phòng Tổng lý đại thần sung Cơ mật viện đại thần, thần Phạm Quỳnh.

Tổng tài: Thượng thư sung Tổng tài Sử quán, quản lý Thư viện Bảo Đại thần Lê Nhữ Lâm.

Toản tu: Thị lang sung Quốc sử quán Toản tu thần Đinh Văn Cháp, Tham tri sung Quốc sử quán Toản tu thần Nguyễn Hữu Tỳ.

Biên tu: Hồng lô tự khanh thần Hoàng Chu Tích, Hồng lô tự khanh thần Tôn Thất Dương, Hàn lâm viện Thị giảng thần Lê Nguyên Lượng.

Khảo hiệu: Hàn lâm viện Thị giảng thần Nguyễn Gia Đồng, Hàn lâm viện Biên tu thần Nguyễn Văn Tích.

Đăng lục: Hàn lâm viện Tu soạn thần Nguyễn Thước, Hàn lâm viện Biên tu thần Vũ Đình Cung, Hàn lâm viện Kiểm thảo thần Tôn Thất Toại.

Thu chương: Hàn lâm viện Kiểm tịch thần Nguyễn Hiễn Thạc.

*
* *

Chưa nói tới cách nhìn nhận lịch sử Việt Nam mà trọng tâm là lịch sử triều Nguyễn thời gian 1916-1925 trong *Chính biên Đệ thất kỷ*, chỉ riêng “quyển thủ” này với hai văn bản hiện có cũng đã hé mở vài điều về thái độ của triều Nguyễn đối với hai lịch sử ấy. Chẳng hạn mặc dù từ cuối 1939 nhóm Phạm Quỳnh đã tâu nói “ngân sách năm nay” không đủ khắc in và nêu ra một dự trù kinh phí nhỏ nhoi 1.200 đồng như một đề nghị về ngân sách năm sau nhưng Bảo Đại lơ đi và chỉ chấp nhận phươg án chép tay để nhân bản ra thành 6 bộ, xem ra cũng không mặn mà gì lắm với việc xiển dương công nghiệp của Hoàng khảo Hoàng Tông Tuyên Hoàng Đế. Nhưng từ tháng 9/1940 trở đi thì quân Nhật đã kéo vào Đông Dương, biến cả chính quyền thuộc địa Pháp lẫn Nam triều thành công cụ để thực hiện các mục tiêu của mình ở Đông Nam Á. Lịch sử Việt Nam và lịch sử triều Nguyễn trong *Chính biên Đệ thất kỷ* đã được triều đình Bảo Đại nhìn nhận lại trong hoàn cảnh mới này.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm thuộc địa Đông Dương. Để tranh thủ sự ủng hộ, Nhật tuyên bố trao trả độc lập cho Việt Nam. Ngày 11/3/1945, triều đình Bảo Đại tuyên bố hủy bỏ Hòa ước Patenôtre ký với Pháp năm 1884, khôi phục chủ quyền, xưng quốc hiệu là Đế quốc Việt Nam, đặt ra quốc ca và quốc kỳ, đến 17/4/1945 giao cho Trần Trọng Kim thành lập Nội các. Sự khác nhau trong phần Phàm lệ của bản EFEO và bản MB do đó chỉ có một cách giải thích duy nhất hợp lý là *Chính biên Đệ thất kỷ* đã được khởi sự khắc in khi quân Nhật đã kéo vào Đông Dương, thậm chí có thể sau ngày 9/3/1945. Quan điểm lịch sử ở đây thể hiện ý hướng chính trị nên thái độ bất nhất với chính quyền thuộc địa Pháp của triều đình Bảo Đại trước và sau tháng 9/1940 trong *Chính biên Đệ thất kỷ* là điều dễ hiểu, nhưng mặc dù thiết tha chấm dứt lịch sử tủi nhục hơn tám mươi năm của một vương triều bị ngoại nhân nô dịch, họ lại

không đủ cả năng lực lẫn tư cách để viết nên những trang sử mới cho cả Việt Nam lẫn triều Nguyễn, vì như người ta đã thấy, thất bại của Đế quốc Nhật Bản tháng 8/1945 đã kéo theo cái chết của đứa con hoang chính trị Đế quốc Việt Nam.

Tháng 9/2012

C T T

CHÚ THÍCH

- (1) *Hai cung*: tức hai người vợ của vua Đồng Khánh là Thánh Cung Hoàng Hậu họ Nguyễn con Vĩnh Lại quận công Nguyễn Hữu Độ (đích mẫu của vua Khải Định) và Tiên Cung Hoàng Hậu Dương Thị Thục (sinh mẫu của vua Khải Định).
- (2) *Trùng Hoa giúp đế*: nguyên văn là “Trùng Hoa hiệp đế”, lấy chữ trong *Kinh Thư, Ngụ thư, Thuần điển* “Trùng Hoa hiệp vu đế” (Trùng Hoa giúp Đế Nghiêu), đây ví với việc Khải Định nối ngôi làm vua.
- (3) *Sử Mã, kinh Lân*: tức *Sử ký* của Tư Mã Thiên và kinh *Xuân thu* do Khổng Tử san định, được Nho gia xưa coi là những tác phẩm sử học mẫu mực.
- (4) *Điển Mô*: đây chỉ *Kinh Thư* gồm sáu phần Điển, Mô, Huấn, Cáo, Thệ, Mệnh trong đó Điển và Mô nêu tổng quát về phương lược trị nước của các vua từ Nghiêu, Thuấn đến Hạ, Thương, Chu, được Nho gia xưa coi là kinh điển trong việc trị nước.
- (5) *Phú Xuân định đỉnh*: tương truyền vua Hạ Võ trị thủy xong, lấy sắt đúc thành chín cái đỉnh tượng trưng cho chín châu ở Trung Quốc thời cổ, về sau người ta dùng chữ “định đỉnh” chỉ việc xây dựng vương triều. *Phú Xuân định đỉnh* đây chỉ việc Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, đặt nền móng cho việc mở mang cơ nghiệp của họ Nguyễn ở Đàng Trong.
- (6) *Cung xanh nuôi lòng, xe vàng không ý*: *cung xanh* dịch chữ “Thanh cung”, chỉ ngôi thái tử. Trong bát quái của *Kinh Dịch*, quẻ Chấn có một hào dương dưới hai hào âm, là tượng dương sinh, nên được gọi là quẻ trưởng nam. Theo bát quái quẻ Chấn ứng với phương đông, thuộc hành mộc, ứng với màu xanh, nên nơi ở của thái tử thường được gọi là Chấn cung, Đông cung hay Thanh cung, đây chỉ vua Khải Định lúc chưa lên ngôi. *Xe vàng* dịch chữ “hoàng ốc” tức xe mui vàng của nhà vua, chỉ địa vị đế vương. Cả câu ý nói Khải Định vốn chỉ muốn yên phận làm hoàng tử triều trước chứ không có ý làm vua.
- (7) *Quẻ Càn tiềm tàng mà hiển hiện*: nguyên văn là “Càn tuy tiềm nhi trứ đức”, lấy ý trong *Kinh Dịch*, quẻ *Bát Thuần Càn*, phần *Hào từ* và *Tiểu tượng truyện* trong đó hào *Sơ cửu* nói “Tiềm long vật dụng” (Rồng còn nấu mình, đừng nên làm gì), hào *Cửu nhị* nói “Hiện long tại điển, lợi kiến đại nhân” (Rồng hiện thân trên mặt đất, lợi thấy bậc đại nhân), đây ý nói Khải Định đã có đức độ mình quân từ lúc chưa làm vua.
- (8) *Quẻ Di giữ mờ tối mà rõ ràng*: nguyên văn là “Di dụng hối nhi di chương”, lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Địa Hỏa Minh Di*, phần *Đại tượng truyện* “Minh nhập địa trung, minh di, quân tử dĩ lý chúng, dụng hối nhi minh” (Ánh sáng vào trong đất, ánh sáng bị mờ tối, quân tử lấy đó làm lợi cho mọi người, mờ tối mà sáng), ý nói Khải Định đã bộc lộ tư chất đế vương từ lúc chưa làm vua.
- (9) *Đại phiên*: hoàng thân dòng lớn. Khải Định là con vua Đồng Khánh, lúc Đồng Khánh chết còn quá nhỏ tuổi nên Thành Thái nối ngôi rồi truyền tới Duy Tân, nên Khải Định thuộc hàng hoàng thân “đại phiên”, có vị trí đặc biệt hơn các hoàng thân khác.
- (10) *Chu Tuyên*: tức Chu Tuyên Vương, được coi là vua trung hưng của nhà Chu.
- (11) *Chuông khánh không dời*: nguyên bản chép là “chung cự bất di” nhưng viết chữ *cự* thừa bộ *trúc đầu*, có lẽ lẫn với chữ *tuấn*, đây đúng lại như trên. *Tuấn* là thanh ngang, *cự* là thanh dọc trong cái giá treo chuông có khắc hình thần thú thời cổ. *Chung cự* đây chỉ chung tồn miếu của triều Nguyễn.
- (12) *Thái vi*: tức thơ *Thái vi* trong *Kinh Thi*, *Tiểu nhã* bộc lộ tâm sự của người lính thú xa nhà để chống quân Hiểm Doãn.
- (13) *Mở lưới*: lấy ý câu trong *Kinh Dịch*, quẻ *Thủy Địa Tỹ*, phần *Tiểu tượng truyện*, hào *Cửu ngũ* “Vương, dụng tam khu, thất tiên cầm” (Kẻ làm vua, bủa lưới ba mặt, để mất con chim mặt trước), ý nói không đuổi tận giết tuyệt, đây dùng ca ngợi Khải Định có lòng nhân.
- (14) *Ba hay*: nguyên văn là “tam trường”, tức ba điều được coi là sở trường của người soạn sử ngày xưa là tài, học, thức.

- (15) *Tiến ngữ ngữ*: nguyên văn là “Thủ chu”, tức “Thủ chu đãi thổ” (Ôm cây đợi thổ).
- (16) *Lời ngỏ ngắn*: nguyên bản chép là “Lạc thực (thực = tăng thêm)”, là “Lạc thực (thực = thật)” bị chép lầm, đây chính là như trên. Lạc thực tức coi điều hư ảo là việc có thật.
- (17) *Thương kỷ chép đức Thang sáng*: nguyên văn là “Thương kỷ bị trần Thang đức”, đây chỉ thiên *Thang cáo* trong phần *Thương thư* thuộc *Kinh Thư* ghi chép lời vua Thành Thang nhà Thương, Thái Giáp con Thành Thang học theo nên thành minh quân.
- (18) *Chu thư thuật việc Văn hay*: nguyên văn là “Chu thư cụ thuật Văn mô”, đây chỉ phần *Chu thư* trong *Kinh Thư* ghi chép nhiều về vua Văn Vương, Thành Vương cháu nội Văn Vương noi theo nên trị nước được thịnh trị.
- (19) So với bản EFEO thì điều này trong bản MB bỏ mất một đoạn, trên đây theo bản MB. Toàn văn điều 5 trong bản EFEO như sau: “Điều 5. Các kỷ trước đây, sau niên hiệu đều có chú niên hiệu Trung Quốc và các niên hiệu phụ thuộc. Nay sự thể khác xa thời trước, nước ta với Trung Quốc không có quan hệ, chỉ có quan hệ mật thiết với nước Pháp bảo hộ, nên kỷ này ghi chép năm tháng, phía sau vẫn theo *Đệ lục kỷ* chú thích là năm nào Tây lịch, còn niên hiệu Trung Quốc thì nên bỏ đi, đó đại khái là theo thời đổi lệ vậy”.
- (20) *Toàn quyền Ba Lăng... Ly Ông*: tức Toàn quyền Đông Dương Varenne (Alexandre Varenne), Khâm sứ Trung Kỳ Le Fol (Aristide Eugène Le Fol), Paris, Lyon.
- (21) Phạm lệ trong bản EFEO có tất cả 7 điều, nhưng trong bản MB chỉ có 6 điều, trên đây theo bản MB. Toàn văn điều 6 trong bản EFEO bị bỏ trong bản MB như sau: “Điều 6. Phụng chiếu theo trong Phạm lệ, *Đệ tứ kỷ* có một điều: Những lân quốc, thuộc quốc có việc liên quan thì gọi là đế vương nước Mỗ, hoặc danh hiệu sùy thần sùy thần thì gọi sùy thần, sùy thần nước Mỗ hoặc tên họ vân vân, tới như những chữ viết dài cũng chưa từng nghĩ định. Nay nước ta cùng Đại Pháp bảo hộ là nước bạn bè, tình lễ ngày càng thân thiết, nên kỷ này gặp việc nên viết những chữ Nước Đại Pháp cùng Quý Giám quốc điện hạ, Đông Pháp Toàn quyền đại thần đại diện nước Đại Pháp và các quan lớn đều xin viết dài ở hàng thứ hai hoặc để trống vài chữ dài, để có sự phân biệt với đế vương sùy sùy các nước”.

TÓM TẮT

Đại Nam Thực lục Chính biên Đệ thất kỷ là bộ quốc sử của Việt Nam dưới thời vua Khải Định (1916-1925), được Quốc sử quán triều Nguyễn hoàn thành vào năm 1939. Văn bản trọn vẹn duy nhất hiện được biết tới của bộ sử này là bản chép tay hiện đang lưu giữ ở Thư viện Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Paris.

Bộ *Chính biên Đệ thất kỷ* gồm 10 quyển và 1 quyển thủ. Bài này giới thiệu bản dịch toàn văn quyển thủ, gồm Lời dụ của vua Bảo Đại về việc nhân bản *Chính biên Đệ thất kỷ*, Bài biểu dâng sách của Quốc sử quán, Tờ tâu của Quốc sử quán về việc xin nhân bản, Phạm lệ, Tổng mục và Chúc danh những người biên soạn.

Đây là những thông tin cần thiết giúp người đọc có một cái nhìn tổng quan về bộ chính sử cuối cùng của triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam, hiện vẫn chưa được dịch ra Việt ngữ.

ABSTRACT

THE ANNALS OF THE ĐẠI NAM [THE MAIN PART], THE SEVENTH REIGN, THE PRELIMINARY VOLUME

The Annals of the Đại Nam [the Main Part], *the Seventh Reign* is the national history books of Vietnam under the reign of Emperor Khải Định (1916-1925), completed by the National historiographers' office of the Nguyễn Dynasty in 1939. The only full text ever known of this set of history books is the manuscript being kept in the Library of the EFEO (École Française d'Extrême-Orient) in Paris.

The Annals of the Đại Nam [the Main Part], *the Seventh Reign* consist of 10 volumes and a Preliminary volume. This article introduces the full-text translation of the Preliminary volume, including Emperor Bảo Đại's edict on further printing that set of books, the petition of presenting the books and the report on asking permission for further printing by the National historiographers' office, the Preface, the Index, and the title of the compilation board.

This is necessary information helping readers with an overview of the last history written by the last feudal dynasty in Vietnam, which has not been translated into Vietnamese language yet.